

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 02 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyền;
2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

-Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 473/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HN, ngày 04 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HN, ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Đình N**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp P, xã K, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Trần Kim C**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Nguyễn Đình N (sau đây gọi anh N) trình bày: giữa anh và bị đơn Trần Kim C (sau đây gọi chị C) qua tìm hiểu nhau, tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do chung sống đã lâu nhưng không có con chung, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cư xử với nhau không hòa thuận, có những lời lẽ xúc phạm lẫn nhau, đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã sống ly thân đến

nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với chị C.

-Về con chung: trước khi cưới nhau thì vợ anh đã có con riêng nhưng giữa anh và vợ không có con chung. Về nợ và tài sản chung: anh Ngân trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Trần Kim C vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Kim C được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với chị C.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: anh N và chị C qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống chung năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 3 năm 2014 tại Ủy ban nhân xã Hòa Khánh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh N: anh và chị C trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân; xét thấy thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng chị C không có mặt, chứng tỏ rằng chị C không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Trong khi tại phiên tòa, anh N xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị C và cương quyết xin ly hôn; từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

[5] Về con chung: Không có con chung nên không đặt ra xem xét về quyền nuôi con;

[6] Về tài sản và nợ chung: anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình N và chị Trần Kim C.
2. Về nuôi con chung: Không có con chung.
3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.
4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Đình N phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005890, ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã K, h.B;
- t. Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm